

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU
VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 0304/CBTT-VHE

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty CP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Mã chứng khoán: VHE
- Địa chỉ: Số 277 đường Vạn Xuân, Xã Hạ Mỗ, Huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: (84.24) 338 16999 Fax: (84.24)3 599 0555
- Email: congbothongtin@vinaherbfoods.com
- Website: Vinaherbfoods.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC kiểm toán năm 2023
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 03/04/2024 tại đường dẫn: <https://vinaherbfoods.com/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán năm 2023



CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Tiên Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU
VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: 3003/2024/CVGT-VHE

(V/v: giải trình về việc không phát hành báo cáo
hợp nhất năm 2023)

-----oOo-----

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HÀ NỘI

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (VHE)

Mã chứng khoán: VHE

Địa chỉ trụ sở chính: số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Tp.Hà Nội

Chúng tôi đã công bố thông tin tại Thông báo số 2511/TB-VHE ngày 25/11/2023 của VHE
Thông báo đăng ký (thay đổi) mô hình Công ty và loại hình báo cáo tài chính gửi tới Sở Giao
dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tuy nhiên, do chưa đủ điều kiện hình thành mối quan hệ Công ty mẹ - con nên không đáp ứng
điều kiện để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023
của Công ty chúng tôi như đã công bố.

Chúng tôi xin gửi Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hà
Nội nội dung giải trình về việc không phát hành báo cáo tài chính hợp nhất như trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:

- Như trên;

Lưu: VT

CÔNG TY CP DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM



Xác nhận của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY:

Đến ngày 31/12/2023, Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam chưa có Công ty
con nên không đáp ứng điều kiện để lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định.



Nguyễn Văn Hải
Giám đốc kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023

Tháng 4 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch
Ông Trần Nhật Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Tài Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Công	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thế Hùng	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2023 và đến ngày lập Báo cáo này ông Bùi Tiến Vinh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

Ban lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban lãnh đạo cam kết rằng: Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban lãnh đạo,



Bùi Tiến Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

Ban lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban lãnh đạo cam kết rằng: Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban lãnh đạo,



Bùi Tiến Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

Ban lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban lãnh đạo cam kết rằng: Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban lãnh đạo,



Bùi Tiến Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

Số: 500/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02/4/2024, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

Nguyễn Văn Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

1395-2023-112-1


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		357.285.370.485	318.793.791.538
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	188.560.161	145.124.624
Tiền	111		188.560.161	145.124.624
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.527.087.540	15.875.896.642
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.756.095.400	15.711.354.497
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	12.270.992.140	142.942.140
Các khoản phải thu khác	136	9	127.500.000.000	21.600.005
Hàng tồn kho	140	8	210.418.828.967	301.989.742.016
Hàng tồn kho	141		210.418.828.967	302.549.373.024
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(559.631.008)
Tài sản ngắn hạn khác	150		150.893.817	783.028.256
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	28.115.012	73.156.591
Thuế GTGT được khấu trừ	152		122.778.805	709.871.665
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.158.635.617	61.824.595.498
Tài sản cố định	220		54.944.265.325	61.615.631.105
Tài sản cố định hữu hình	221	12	38.144.322.690	44.765.339.270
- Nguyên giá	222		70.891.203.453	70.680.014.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.746.880.763)	(25.914.675.546)
Tài sản cố định vô hình	227	11	16.799.942.635	16.850.291.835
- Nguyên giá	228		17.055.346.648	17.055.346.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(255.404.013)	(205.054.813)
Tài sản dài hạn khác	260		214.370.292	208.964.393
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	214.370.292	208.964.393
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		412.444.006.102	380.618.387.036

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		78.360.954.963	48.162.614.682
Nợ ngắn hạn	310		75.370.261.110	44.378.051.457
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.629.898.589	4.079.890.404
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.247.939.221	334.296.533
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	419.256.803	1.253.883.492
Phải trả người lao động	314		285.734.577	336.513.719
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		502.633.450	478.573.051
Phải trả ngắn hạn khác	319		40.313.748	17.762.886
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	65.244.484.722	37.877.131.372
Nợ dài hạn	330		2.990.693.853	3.784.563.225
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	2.990.693.853	3.784.563.225
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		334.083.051.139	332.455.772.354
Vốn chủ sở hữu	410	16	334.083.051.139	332.455.772.354
Vốn góp của chủ sở hữu	411		331.400.000.000	331.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		331.400.000.000	331.400.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(418.000.000)	(418.000.000)
Cổ phiếu quỹ	415		(40.000)	(40.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.101.091.139	1.473.812.354
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.473.812.354	42.562.791
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.627.278.785	1.431.249.563
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		412.444.006.102	380.618.387.036

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024


Nguyễn Thị Hải Hội
Người lập biểu


Phạm Thị Ánh
Kế toán trưởng



Bùi Tiến Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	314.426.485.476	265.381.476.519
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	11.078.383	57.008.087
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		314.415.407.093	265.324.468.432
Giá vốn hàng bán	11	19	301.639.925.379	254.102.752.024
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.775.481.714	11.221.716.408
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	175.868.996	74.052.178
Chi phí tài chính	22	21	4.937.164.982	4.318.757.757
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.814.586.836</i>	<i>4.303.059.829</i>
Chi phí bán hàng	25	22	2.327.083.884	1.349.585.068
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.575.286.156	3.555.716.133
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.111.815.688	2.071.709.628
Thu nhập khác	31		33.000	73.305.721
Chi phí khác	32		69.485.285	287.956.147
Lợi nhuận khác	40		(69.452.285)	(214.650.426)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.042.363.403	1.857.059.202
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	415.084.618	425.809.639
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.627.278.785	1.431.249.563
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	49	44

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024


Nguyễn Thị Hải Hội
Người lập biểu


Phạm Thị Ánh
Kế toán trưởng



Bùi Tiên Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.042.363.403	1.857.059.202
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.882.554.417	6.894.048.447
Các khoản dự phòng	03		(559.631.008)	559.631.008
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(52.392.753)	(15.967.153)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(2.833.931)	(43.565.341)
Chi phí lãi vay	06		4.814.586.836	4.303.059.829
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		13.124.646.964	13.554.265.992
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(2.564.098.038)	(6.660.192.943)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		92.130.544.057	2.672.646.012
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.109.050.653	3.107.539.566
Tăng giảm chi phí trả trước	12		39.635.680	63.570.019
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.765.495.936)	(4.301.615.246)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(979.062.808)	(530.341.228)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		101.095.220.572	7.905.872.172
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(211.188.637)	(65.000.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(127.500.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		-	3.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.833.931	148.277.669
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(127.708.354.706)	3.083.277.669
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	7.412.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		112.397.721.650	67.463.874.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(85.739.198.472)	(95.932.019.372)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		26.658.523.178	(21.056.145.372)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		45.389.044	(10.066.995.531)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	145.124.624	10.211.870.366
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.953.507)	249.789
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	188.560.161	145.124.624

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024


Nguyễn Thị Hải Hội
Người lập biểu


Phạm Thị Ánh
Kế toán trưởng


Bùi Điện Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam là Công ty Cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107409148 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25/04/2016, thay đổi lần thứ 7 ngày 03/10/2022.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn đồ uống
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết:
 - + Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - + Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - + Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - + Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - + Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ đóng gói
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Chế biến và bảo quản rau quả
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:
 - + Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt;
 - + Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt;
 - + Sản xuất thực phẩm chức năng;
 - + Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;
 - + Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là

- Xuất khẩu, kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản nguyên liệu;
- Sản xuất thực phẩm có lợi cho sức khỏe.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	22
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	06 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 07
- Phần mềm quản lý	05 - 06

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính.

Quyền sử dụng đất của Công ty sử dụng lâu dài nên không tính khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

4.7 HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

4.8 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

4.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.13 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.13 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm kế toán.

Giá vốn hàng bán được kết chuyển phù hợp với doanh thu đã ghi nhận và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

4.14 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.14 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Trong đó:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

4.15 THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	93.151.462	80.671.979
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	95.408.699	64.452.645
	188.560.161	145.124.624

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	6.756.095.400	15.711.354.497
- M/S PAK AFGHAN IMPEX	297.755.300	300.713.560
- Công ty Cổ phần Việt Hà SPICES	-	1.933.050.000
- Công ty Cổ phần APEX Đại Việt	-	11.215.925.000
- Công Ty TNHH TM và Sản xuất Tuấn Minh	1.902.000.000	2.003.040.000
- Pragast Overseas	1.779.684.000	-
- K MAHENDRAKUMAR IMPEX LLP	912.316.428	-
- Dhanalakshmi enterprises	878.124.800	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn chế biến nông sản Mạnh Cường	887.161.000	-
- Các khách hàng khác	99.053.872	258.625.937

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.270.992.140	142.942.140
- Công ty liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	22.468.740	22.468.740
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại SAKAE	-	100.000.000
- Ông Vũ Đình Khiêm	6.123.000.000	-
- Bà Lê Thu Dung	6.037.850.000	-
- Các nhà cung cấp khác	87.673.400	20.473.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	11.133.552.787	-	13.417.978.323	-
- Công cụ, dụng cụ	147.897.196	-	159.801.960	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	1.620.000.000	-
- Thành phẩm	4.116.214.231	-	2.301.160.482	-
- Hàng hoá	195.021.164.753	-	285.050.432.259	(559.631.008)
	210.418.828.967	-	302.549.373.024	(559.631.008)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	127.500.000.000	-	21.600.005	-
- Phải thu khác (*)	127.500.000.000	-	21.600.005	-
	127.500.000.000	-	21.600.005	-

(*) Tại ngày 31/12/2023:

Khoản hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa Hợp tác xã dịch vụ Nông lâm nghiệp Tổng hợp Công Tâm (Bên A) và Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (Bên B) về việc hợp tác đầu tư và thực hiện và kinh doanh dự án: Sản xuất tinh dầu quế, chế biến nông - lâm sản, dược liệu và sản xuất thực phẩm huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái có diện tích 22.000m², thời gian thực hiện dự án 50 năm, Bên B được hưởng lợi nhuận cố định.

Theo Văn bản thỏa thuận về việc thay đổi kế hoạch hợp tác đầu tư ngày 30/03/2024 giữa Bên A và Bên B: Do thủ tục pháp lý để đưa Bên B vào đồng sở hữu dự án chế biến tinh dầu quế của Bên A không thành, và tiến độ thực hiện hợp tác đầu tư không đúng thỏa thuận ban đầu nên hai bên thống nhất Bên A hoàn lại số tiền cho Bên B. Ngày 02/04/2024, Bên A đã chuyển lại toàn bộ số tiền 127,5 tỷ đồng cho Bên B.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	28.115.012	73.156.591
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.733.334	2.041.665
- Chi phí trả trước khác	18.381.678	71.114.926
Chi phí trả trước dài hạn	214.370.292	208.964.393
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	193.181.819	166.369.055
- Chi phí trả trước khác	21.188.473	42.595.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
01/01/2023	16.752.727.600	302.619.048	17.055.346.648
31/12/2023	<u>16.752.727.600</u>	<u>302.619.048</u>	<u>17.055.346.648</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2023	-	205.054.813	205.054.813
- Khấu hao trong năm	-	50.349.200	50.349.200
31/12/2023	<u>-</u>	<u>255.404.013</u>	<u>255.404.013</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
01/01/2023	<u>16.752.727.600</u>	<u>97.564.235</u>	<u>16.850.291.835</u>
31/12/2023	<u>16.752.727.600</u>	<u>47.215.035</u>	<u>16.799.942.635</u>

Tại ngày 31/12/2023:

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 16.752.727.600 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	12.104.989.844	53.430.636.540	3.429.023.637	1.715.364.795	70.680.014.816
- Mua trong năm	-	102.688.182	-	108.500.455	211.188.637
31/12/2023	12.104.989.844	53.533.324.722	3.429.023.637	1.823.865.250	70.891.203.453
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	2.426.534.292	20.676.242.461	1.782.514.221	1.029.384.572	25.914.675.546
- Khấu hao trong năm	667.138.560	5.389.174.433	512.450.388	263.441.836	6.832.205.217
31/12/2023	3.093.672.852	26.065.416.894	2.294.964.609	1.292.826.408	32.746.880.763
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	9.678.455.552	32.754.394.079	1.646.509.416	685.980.223	44.765.339.270
31/12/2023	9.011.316.992	27.467.907.828	1.134.059.028	531.038.842	38.144.322.690

Tại ngày 31/12/2023:

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 564.656.728 đồng (tại 01/01/2023 là: 53.627.273 đồng).
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 26.544.003.256 đồng (tại 01/01/2023 là: 31.983.021.388 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.629.898.589	2.629.898.589	4.079.890.404	4.079.890.404
- Công ty TNHH Công nghiệp Tân Vượng	-	-	418.000.000	418.000.000
- Ông Vũ Đình Khiêm	-	-	2.190.000.000	2.190.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất khẩu Quế hồi Việt Nam	-	-	492.078.000	492.078.000
- Hợp Tác Xã Quế Hồi Việt Nam	660.000	660.000	400.800.000	400.800.000
- Hợp Tác Xã Nông sản Viễn Sơn	1.580.000.000	1.580.000.000	-	-
- Công ty TNHH Tiếp vận quốc tế BP	714.674.539	714.674.539	-	-
- Công ty Cổ phần Thương Mại và In Sao Việt	180.012.680	180.012.680	277.424.676	277.424.676
- Các đối tượng khác	154.551.370	154.551.370	301.587.728	301.587.728

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	1.253.883.492	1.480.797.143	2.315.423.832	419.256.803
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	933.352.959	933.352.959	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	970.895.082	423.252.344	979.062.808	415.084.618
- Thuế thu nhập cá nhân	52.287.809	85.126.573	133.242.197	4.172.185
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	230.700.601	39.065.267	269.765.868	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	65.244.484.722	65.244.484.722	113.147.651.672	85.780.298.322	37.877.131.372	37.877.131.372
- Vay ngắn hạn	64.480.303.350	64.480.303.350	112.353.782.300	84.778.505.950	36.905.027.000	36.905.027.000
+ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu - CN Hà Nội (1)	5.875.543.350	5.875.543.350	14.012.169.300	11.037.585.950	2.900.960.000	2.900.960.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức	-	-	27.087.850.000	48.675.450.000	21.587.600.000	21.587.600.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội (2)	10.994.800.000	10.994.800.000	21.989.403.000	21.955.070.000	10.960.467.000	10.960.467.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long	-	-	1.654.400.000	3.110.400.000	1.456.000.000	1.456.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình (3)	47.609.960.000	47.609.960.000	47.609.960.000	-	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	764.181.372	764.181.372	793.869.372	1.001.792.372	972.104.372	972.104.372
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội (4)	623.769.000	623.769.000	653.457.000	861.380.000	831.692.000	831.692.000
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (5)	140.412.372	140.412.372	140.412.372	140.412.372	140.412.372	140.412.372
Vay dài hạn	2.990.693.853	2.990.693.853	-	793.869.372	3.784.563.225	3.784.563.225
- Vay dài hạn	2.990.693.853	2.990.693.853	-	793.869.372	3.784.563.225	3.784.563.225
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội (4)	2.288.632.000	2.288.632.000	-	653.457.000	2.942.089.000	2.942.089.000
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (5)	702.061.853	702.061.853	-	140.412.372	842.474.225	842.474.225

Thông tin chi tiết về các khoản vay

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001-LAV-230071036 ngày 05/09/2023. Hạn mức cấp tín dụng 4.300.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mặt hàng quế, hồi, nông sản các loại. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, và thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là trị giá quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 191522 ngày 27/03/2019 tại Văn phòng công chứng Việt Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội theo:
- + Hợp đồng tín dụng số 0057/2023/HĐTD-OCB-SME ngày 09/10/2023 với hạn mức cho vay ngắn hạn tối đa là 10.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, hạn mức chiết khấu là 10.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh tiêu, quế, hồi và nước uống thảo dược. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng. Lãi suất và thời hạn vay được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, nhưng tối đa không quá 6 tháng. Tài sản đảm bảo bao gồm các quyền sử dụng đất quy định cụ thể trên hợp đồng.
 - + Hợp đồng hạn mức thấu chi số 0058/2023/HĐTDHM ngày 09/10/2023, hạn mức thấu chi: 1.000.000.000 đồng, thời hạn thấu chi không quá 12 tháng kể từ ngày thấu chi, lãi suất theo quy định hiện hành của Ngân hàng trong từng thời kỳ, mục đích tiền vay thấu chi: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiêu, quế, hồi và nước uống thảo dược. Tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất quy định cụ thể trên hợp đồng.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo Hợp đồng tín dụng số : 148394.23.833.6059556.TD ngày 21/07/2023 với hạn mức cho vay ngắn hạn tối đa là 50.000.000.000 VND với mục đích : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại nông sản. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng. Lãi suất và thời hạn vay được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, nhưng tối đa không quá 7 tháng. Tài sản đảm bảo bao gồm các tài sản quy định cụ thể trên hợp đồng.
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 0020/2020/HĐTD-OCB-DN ngày 11/05/2020 dùng để đầu tư, mua sắm hệ thống dây truyền sản xuất nước uống thảo dược dạng lon và hệ thống dây truyền sản xuất nước uống thảo dược dạng đóng túi theo hợp đồng mua bán thiết bị số 2503/2020/HĐMB/ATTP&TPVN ngày 25/03/2020. Thời hạn vay: 84 tháng. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số bất động sản quy định cụ thể trong hợp đồng và tài sản được hình thành từ khoản vay là hệ thống dây truyền sản xuất.
- (5) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số: SHBVN/CG/HĐTD/2021/CONGTYCPDUOCLIEU VATHUCPHAMVN ngày 02/12/2021 dùng để thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng số: 1032/T10/2021/HĐMB-KIAPVĐ ký ngày 11/10/2021. Thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất cố định 7,4%/năm, việc trả nợ gốc được chia đều theo kỳ hạn trả nợ gốc, lãi được tính trên dư nợ gốc thực tế. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là phương tiện vận tải được hình thành từ khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	331.400.000.000	316.400.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	15.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	331.400.000.000	331.400.000.000

16.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2023 CP	01/01/2023 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.140.000	33.140.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	33.140.000	33.140.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.140.000	33.140.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	4	4
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4	4
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.139.996	33.139.996
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.139.996	33.139.996

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	316.400.000.000	(330.000.000)	(40.000)	7.542.562.791	323.612.522.791
- Tăng vốn trong năm	15.000.000.000	(88.000.000)	-	(7.500.000.000)	7.412.000.000
- Lãi trong năm	-	-	-	1.431.249.563	1.431.249.563
31/12/2022	331.400.000.000	(418.000.000)	(40.000)	1.473.812.354	332.455.772.354
01/01/2023	331.400.000.000	(418.000.000)	(40.000)	1.473.812.354	332.455.772.354
- Lãi trong năm	-	-	-	1.627.278.785	1.627.278.785
31/12/2023	331.400.000.000	(418.000.000)	(40.000)	3.101.091.139	334.083.051.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa	304.937.305.860	243.090.728.000
- Doanh thu bán thành phẩm	9.294.232.816	21.626.124.904
- Doanh thu bán vật liệu, gia công	194.946.800	664.623.615
	314.426.485.476	265.381.476.519

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	11.078.383	57.008.087
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	-	2.510.199
+ Hàng bán bị trả lại	11.078.383	54.497.888

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa	290.104.722.224	238.926.458.040
- Giá vốn thành phẩm	6.429.996.174	14.022.321.804
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(559.631.008)	559.631.008
- Giá vốn bán vật liệu, gia công	151.132.820	594.341.172
- Khấu hao TSCĐ do không đạt công suất	5.513.705.169	-
	301.639.925.379	254.102.752.024

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.833.931	43.565.341
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	120.642.312	14.519.684
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	52.392.753	15.967.153
	175.868.996	74.052.178

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	4.814.586.836	4.303.059.829
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	122.578.146	15.697.928
	4.937.164.982	4.318.757.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	3.575.286.156	3.555.716.133
- Nguyên vật liệu	850.204	1.800.000
- Nhân viên quản lý	1.352.419.785	1.628.330.817
- Khấu hao tài sản cố định	600.447.220	694.463.808
- Dụng cụ đồ dùng văn phòng	61.712.350	104.197.829
- Thuế phí lệ phí	81.303.447	47.380.784
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.353.780.026	458.003.148
- Chi phí khác bằng tiền	124.773.124	621.539.747
Các khoản chi phí bán hàng	2.327.083.884	1.349.585.068
- Nguyên vật liệu	105.440.520	3.787.200
- Chi phí nhân viên	909.955.053	609.077.270
- Dụng cụ đồ dùng	13.262.192	28.118.012
- Khấu hao tài sản cố định	34.266.588	34.266.588
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.229.696.212	598.123.175
- Chi phí khác bằng tiền	34.463.319	76.212.823
	5.902.370.040	4.905.301.201

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.042.363.403	1.857.059.202
Các khoản chi phí không được khấu trừ	85.452.438	287.956.147
- Các khoản phạt chậm nộp, vi phạm hành chính	47.474.484	237.194.095
- Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ trước	15.967.153	-
- Chi phí không hợp lý khác	22.010.801	50.762.052
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	52.392.753	15.967.153
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	52.392.753	15.967.153
Trừ các khoản thu nhập không phải từ hoạt động kinh doanh	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.075.423.088	2.129.048.196
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	415.084.618	425.809.639
Chi phí thuế TNDN truy thu	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	415.084.618	425.809.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.627.278.785	1.431.249.563
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.627.278.785	1.431.249.563
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	33.139.996	32.602.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	49	44

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty áp dụng việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên nhóm ngành kinh doanh chính của Công ty.

Chỉ tiêu	Bán hàng nông sản	Bán nước uống thảo dược	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu bán ra	304.937.305.860	9.294.232.816	194.946.800	314.426.485.476
Giảm trừ doanh thu	-	11.078.383	-	11.078.383
Doanh thu thuần	304.937.305.860	9.283.154.433	194.946.800	314.415.407.093
Giá vốn hàng bán	289.545.091.216	11.943.701.343	151.132.820	301.639.925.379
Lợi nhuận gộp	15.392.214.644	(2.660.546.910)	43.813.980	12.775.481.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Giao dịch</u>
Ông Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thế chấp một số Bất động sản để đảm bảo khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Hà Nội
Bà Bùi Thị Hồng Dung	Vợ Chủ tịch HĐQT	Thế chấp Bất động sản để đảm bảo khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội
Bà Nguyễn Thị Mùi	Mẹ Chủ tịch HĐQT	Thế chấp một số Bất động sản để đảm bảo khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Hà Nội

THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

		<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hội đồng quản trị		565.548.876	450.484.576
- Ông Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	180.035.795	144.890.663
- Ông Trần Nhật Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	157.084.594	125.317.697
- Ông Nguyễn Thế Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	228.428.487	180.276.216
- Ông Nguyễn Tài Đức	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
- Ông Nguyễn Đình Công	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
Ban Giám đốc		228.428.487	180.276.216
- Ông Nguyễn Thế Hùng	Tổng Giám đốc	228.428.487	180.276.216

27. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC


Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024


Nguyễn Thị Hải Hội
Người lập biểu


Phạm Thị Ánh
Kế toán trưởng


Bùi Tiến Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 0204/2024/CVGT-VHE

(V/v: Giải trình biến động LNST
Năm 2023)

-----oOo-----

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HÀ NỘI

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

Mã chứng khoán: VHE

Địa chỉ trụ sở chính: số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Tp.Hà Nội

Căn cứ theo khoản 4, điều 14, chương III, Thông tư 96/2020/TT-BTC, ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam xin giải trình như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế TNDN thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	
				Số tuyệt đối	% tăng/ giảm
1	Doanh thu thuần	314.415.407.093	265.324.468.432	49.090.938.661	18,5
2	LNST TNDN	1.627.278.785	1.431.249.563	196.029.222	13,7

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 tăng 13,7% so với năm 2022 nguyên nhân là do:

+ Doanh Thu thuần tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước là do Công ty khởi động lại hoạt động xuất khẩu nên doanh thu bán nông sản tăng 25,44%, bên cạnh đó giá vốn cũng tăng tương ứng

+ Chi phí bán hàng tăng mạnh 72,43% so với năm 2022, do chi phí logistics liên quan đến xuất khẩu tăng mạnh. Chi phí quản lý tăng không đáng kể 0,55% so với cùng kỳ năm trước do dịch bệnh được kiểm soát tốt, Công ty muốn mở rộng thị trường Quốc tế nên cần phát triển đội ngũ nhân sự xuất khẩu.

- Doanh thu tăng, chi phí bán hàng tăng nhưng tỷ lệ so với doanh thu nhỏ, dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:

- Như trên;

- Lưu: VT

CÔNG TY CP DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM



CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Tiến Vinh